

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂY VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 21 /TB-UBND

Tây Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Công khai TTHC thực hiện thu, chi ngân sách xã Quý I năm 2024

Thực hiện theo Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND xã thông báo công khai TTHC về thu, chi ngân sách xã Quý I năm 2024. (Có các biểu mẫu chi tiết kèm theo).

Thời gian công khai 30 ngày, từ ngày 10/04/2024-10/05/2024.

Trong thời gian thực hiện công khai, nếu có gì vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên hệ bà Lê Thị Hiền- Công chức Tài chính-Kế toán để được giải thích thêm.

#### Nơi nhận:

- Phòng TC-KT huyện;
- Đài TT xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Chủ tịch  
  
Trương Văn Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂY VINH

Số: 47/BCTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

## THUYẾT MINH

### Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách trên địa bàn xã Quý I năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã khóa VIII, kỳ họp lần thứ 7 về dự toán ngân sách xã năm 2024. Căn cứ Quyết định số 9543/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Tây Sơn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, UBND xã đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 về việc giao dự toán ngân sách xã năm 2024.

Để đáp ứng nhiệm vụ chi theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, ngay từ đầu năm UBND xã đã chỉ đạo tài chính xã tăng cường công tác quản lý thu, huy động kịp thời các nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Kết quả Quý I năm 2024 đã đạt được một số chỉ tiêu cơ bản sau:

#### I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý I năm 2024, tình hình thu ngân sách trên địa bàn gặp hết sức khó khăn do Tây Vinh là xã đồng bằng sản xuất nông nghiệp là chính, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ kém phát triển, diện tích đất dự phòng ít, điều kiện canh tác không thuận lợi. Đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu thu bị ảnh hưởng trực tiếp như: Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, thu khác ngân sách, thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản...nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các cấp, sự nỗ lực của các ngành, kết quả tổng thu ngân sách được 3.402 triệu đồng, đạt 58,36% dự toán giao. Trong đó:

- Thu xã hưởng 100%: 17,679 triệu đồng, đạt 3,50% dự toán giao.
- Thu phân chia theo tỷ lệ %: 41,290 triệu đồng, đạt 24,19% dự toán giao.
- Thu bổ sung: 3.223 triệu đồng, đạt 63,20% dự toán giao.
- Thu chuyên nguồn: 120,177 triệu đồng.

#### \* Đánh giá tình hình thu ngân sách:

Trong công tác thu ngân sách từ đầu năm UBND đạo chỉ đạo cho bộ phận tài chính tiên hành lập các bộ thu trong năm và triển khai thu bằng các hình thức như: thông báo trên đài truyền thanh, gửi thông báo đến từng hộ gia đình (đối với các hộ nợ lớn), thành lập đoàn vận động thu đến từng hộ gia đình...

Phần các khoản thu xã hưởng 100 % như thu nợ quỹ đất công ích hoa lợi công sản chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch giao là nhân dân chưa tự giác nộp, còn viện nhiều lý do để trì hoãn, giá cả đầu ra của sản phẩm nông nghiệp hạ thấp đã ảnh



## UBND XÃ TÂY VINH

Biểu số 113/CK TC-NSNN

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2024	SỐ SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5,830,395	3,402,531	58.36
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	505,000	22,140	4.38
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	170,700	36,829	21.58
3	Thu bổ sung	5,099,895	3,223,384	63.20
	- Thu bổ sung cân đối	4,253,212	1,050,000	24.69
	- Thu bổ sung có mục tiêu	846,683	2,173,384	256.69
4	Thu chuyển nguồn	54,800	120,178	
5	Thu kết dư			
II	TỔNG SỐ CHI	5,830,395	2,250,689	38.60
1	Chi đầu tư phát triển	180,000	1,015,900	564.39
2	Chi thường xuyên	5,531,881	1,234,789	22.32
3	Dự phòng	118,514		0.00

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>		<b>5,830,395</b>	<b>0</b>	<b>3,402,530</b>		<b>58.36</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>		<b>505,000</b>	<b>0</b>	<b>17,679</b>		<b>3.50</b>
	Phí, lệ phí		25,000		7,554		30.22
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		380,000		10,125		2.66
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0				0.00
	Thu khác		100,000				0.00
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>		<b>170,700</b>	<b>0</b>	<b>41,290</b>		<b>24.19</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>		<b>141,000</b>	<b>0</b>	<b>17,038</b>		<b>12.08</b>
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		4,000		729		18.22
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		11,000		7,100		64.55
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		126,000		9,209		7.31
	- Thu tiền sử dụng đất		0		0		0.00
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>		<b>29,700</b>	<b>0</b>	<b>24,252</b>		<b>81.66</b>
	- Thuế GTGT		16,100		17,613		109.40
	- Thuế TNDN		13,600		6,639		48.81

III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)							
IV	Thu chuyển nguồn	54,800		120,178				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			0				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,099,895	0	3,223,384				63.20
	- Thu bổ sung cân đối	4,253,212		1,050,000				24.69
	- Thu bổ sung có mục tiêu	846,683		2,173,384				256.69





STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>5,830,395</b>	<b>180,000</b>	<b>5,650,395</b>	<b>2,250,689</b>	<b>1,015,900</b>	<b>1,234,789</b>	<b>38.60</b>	<b>564.39</b>	<b>21.85</b>
	Trong đó									
1	Chi giáo dục, đào tạo	60,385		60,385	2,700		2,700	4.47		4.47
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0					
3	Chi y tế	0		0	0					
4	Chi văn hóa, thông tin	187,400	0	187,400	57,929		57,929	30.91		30.91
5	Chi phát thanh, truyền thanh	66,200		66,200	15,051		15,051	22.74		22.74
6	Chi thể dục thể thao	10,000		10,000	0		0	0.00		0.00
7	Chi bảo vệ môi trường	205,000		205,000	0		0	0.00		0.00
8	Chi các hoạt động kinh tế	467,759	180,000	287,759	249,969	230,000	19,969	53.44	127.78	6.94
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,599,409	0	4,599,409	1,835,519	785,900	1,049,619	39.91		22.82
10	Chi cho công tác xã hội	115,728	0	115,728	89,521		89,521	77.35		77.35
11	Chi khác	0			0					
12	Dự phòng ngân sách	118,514		118,514	0		0	0.00		0.00